**Hướng dẫn cấu hình phân quyền trên tài nguyên**

Võ Thanh Duy

14/06/2010

# Cấu hình tài nguyên

Theo thống nhất thì 1 tài nguyên có dạng Nhóm tài nguyên – Tài nguyên.

Cho nên ta định nghĩa 1 tài nguyên gồm có các thông tin sau đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Ký hiệu | Kiểu | Mô tả |
| 1 | ResName | String | Chuỗi mô tả tên tài nguyên.  Vd: Đối tác, Hàng hóa,… |
| 2 | PerTableResGroupName | String | Tên bảng chứa thông tin quyền của người dùng với nhóm tài nguyên. ***(1)***  Vd: USER\_DOI\_TAC\_NHOM |
| 3 | RefFieldPerResGroupName | String | Tên trường dữ liệu tham chiếu đến bảng danh mục nhóm tài nguyên tương ứng |
| 4 | PerTableResName | String | Tên bảng chứa thông tin quyền của người dùng với tài nguyên. ***(2)***  Vd: USER\_DOI\_TAC |
| 5 | RefFieldPerResName | String | Tên trường dữ liệu tham chiếu đến bảng danh mục tài nguyên tương ứng. |
| 6 | DMTableResGroupName | String | Tên bảng danh mục nhóm tài nguyên.  Vd: DM\_DOI\_TAC\_NHOM |
| 7 | DMTableResName | String | Tên bảng danh mục tài nguyên.  Vd: DM\_DOI\_TAC |
| 8 | RefFieldDMResName | String | Tên trường dữ liệu tham chiếu đến bảng danh mục nhóm tài nguyên tương ứng |
| 9 | FieldUserAllow | String | Tên trường cho biết người dùng này có áp dụng phân quyền hay không, thuộc bảng USER\_CAT\_EX |
| 10 | DMResGroup | IDanhMuc | Thể hiện của danh mục nhóm tài nguyên |
| 11 | DMRes | IDanhMuc | Thể hiện của danh mục tài nguyên |

# *Bảng (1), (2) sẽ mô tả trong cấu hình về lưu trữ.*

# Cấu hình về lưu trữ

Giả sử ta cần cấu hình trên tài nguyên Nhóm hàng hóa – Hàng hóa, ta làm các công việc sau đây:

+ Ta đã có trước 2 bảng DM\_HANG\_HOA, DM\_HANG\_HOA\_NHOM.

+ Tạo bảng lưu thông tin phân quyền trên nhóm hàng hóa đối với người dùng. Giả sử ta gọi là USER\_HANG\_HOA\_NHOM gồm 6 trường với tên:

\_ USERID (cố định): id người dùng, tham chiếu đến bảng USER\_CAT.

\_ NHH\_ID (tùy chọn): id nhóm hàng hóa, tham chiếu đến bảng DM\_HANG\_HOA\_NHOM.

\_ ISCREATE \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền tạo mới trên nhóm hàng hóa đó hay không?

\_ ISREAD \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền truy xuất trên nhóm hàng hóa đó hay không?

\_ ISUPDATE \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền cập nhật trên nhóm hàng hóa đó hay không?

\_ ISDELETE \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền xóa trên nhóm hàng hóa đó hay không?

+ Tạo bảng lưu thông tin phân quyền trên hàng hóa đối với người dùng. Giả sử ta gọi là USER\_HANG\_HOA gồm 2 trường với tên:

\_ USERID (cố định): id người dùng, tham chiếu đến bảng USER\_CAT.

\_ HH\_ID (tùy chọn): id hàng hóa, tham chiếu đến bảng DM\_HANG\_HOA.

\_ ISCREATE \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền tạo mới trên hàng hóa đó hay không?

\_ ISREAD \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền truy xuất trên hàng hóa đó hay không?

\_ ISUPDATE \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền cập nhật trên hàng hóa đó hay không?

\_ ISDELETE \_BIT: thuộc tính cho biết người dùng có quyền xóa trên hàng hóa đó hay không?

+ Thêm 1 trường vào bảng USER\_CAT\_EX cho biết người dùng có được áp dụng phân quyền trên tài nguyên đó hay không. Giả sử ta gọi là IS\_PERMISSION\_HANGHOA.

# Các phương thức hỗ trợ

+ \_checkPermissionRes: kiểm tra người dùng (chỉ định hay hiện hành) có quyền (chỉ định) trên 1 tài nguyên cụ thể hay không.

+ \_checkPermissionResGroup: kiểm tra người dùng (chỉ định hay hiện hành) có quyền (chỉ định) trên 1 nhóm tài nguyên cụ thể hay không.

+ \_getPermissionResIDs: trả về danh sách tài nguyên theo ID mà người dùng (chỉ định hay hiện hành) có quyền (chỉ định).

+ \_getPermissionResGroupIDs: trả về danh sách nhóm tài nguyên theo ID mà người dùng (chỉ định hay hiện hành) có quyền (chỉ định).